TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/DS-ST
Ngày 11 – 5 – 2026
V/v tranh chấp Hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hoàng Sơn
Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 946/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc tranh chấp hụi giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Kim L, sinh ngày 29/8/1973. Số CCCD 096173011292. Địa chỉ: Khóm Tr, phường H, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm H, phường T, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2026, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời trình bày được bổ sung tại phiên tòa, bà Bùi Kim L trình bày:

Bà Bùi Kim L có làm chủ hụi, hụi khui vào năm 2021 bà N có tham gia hụi, 01 chưng hụi loại 1.000.000đ, 01 chưng hụi loại 2.000.000đ, hụi một tháng khui một lần, bà Nđã hốt cả hai chưng nhưng đóng hụi chết không đủ, tổng số tiền bà N còn nợ hụi chết là 08 lần bằng 24.000.000đ có làm biên nhận (chữ viết trong biên nhận của bà, chữ ký và chữ viết "Nguyễn Thị N" do bà N ký tên và viết tên), bà N trả mỗi ngày 100.000đ, trả được 5.700.000đ thì ngưng trả, ngoài ra bà mua thực phẩm do bà N bán với số tiền 5.970.000đ rồi trừ vào số tiền nợ hụi. Vào khoảng thời gian nào bà không nhớ, bà và bà N có ngồi lại đối chiếu, tổng số tiền bà N đã trả cho bà 10.967.000đ (5.700.000đ + 5.970.000đ) bà có ghi vào sổ của bà N để bà N nhớ, sau đó bà N không trả góp thêm khoản nào nữa, bà mua thêm thực phẩm vài lần nữa với số tiền 703.000đ nên tổng số tiền bà N đã trả cho bà là 11.670.000đ (10.967.000đ + 703.000đ). Nay bà N còn nợ 12.330.000đ. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền 12.330.000đ.

* Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời trình bày được bổ sung tại phiên òa, bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà có tham gia hụi do bà L làm chủ, khi tổng kết hụi bà còn nợ bà L 20.400.000đ nhưng khi bà ký vào biên nhận do bà L viết bà không đọc lại (chữ viết trong biên nhận của bà L, chữ ký và chữ viết "Nguyễn Thị N" do bà tự ký tên và viết tên), sau đó bà trả mỗi ngày 100.000đ trả được 92 ngày bằng 9.200.000đ, bà L mua thực phẩm hàng ngày bà không lấy tiền mà trừ vào tiền nợ được số tiền 8.460.000đ, tổng số tiền bà đã trả được cho bà L 17.660.000đ. Các lần bà trả tiền cho bà L và tiền mua thực phẩm bà chỉ ghi để nhớ chứ không đối chiếu ký nhận với nhau. Sau khi bà L viết vào sổ của bà số tiền "10967" tức là 10.967.000đ, bà không trả góp thêm cho bà L ngày nào nữa, nhưng bà L tiếp tục mua thực phẩm thêm nhiều lần nữa để trừ vào số tiền bà còn thiếu, nên tổng cộng bà đã trả nợ và trừ tiền bà L mua thực phẩm được số tiền 17.660.000đ. Hiện nay bà chỉ còn nợ bà L số tiền 2.740.000đ không phải 12.330.000đ như bà L trình bày, bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 2.740.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Bùi Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán khoản tiền hụi còn nợ. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà N đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L yêu cầu bà N trả tiền hụi chết chưa đóng lại với số tiền 12.330.000đ. Bà N thống nhất các bên có giao dịch hụi nhưng bà N chỉ đồng ý trả bà L số tiền 2.740.000đ.

Xét thấy tại "biên nhận thiếu tiền hụi" không có ngày tháng, bà L và bà N thống nhất do các bên chốt nợ với nhau trước ngày 01/5/2023 âm lịch. Do bà N tự ký tên và viết tên. Các bên chưa thống nhất về số tiền nợ, bà L xác định bà ga nợ số tiền 24.000.000đ thể hiện tại biên nhận, bà N xác định chỉ nợ 20.400.000đ, tuy nhiên bà N không có chứng cứ gì khác chứng minh số nợ là 20.400.000đ. Bà N cho rằng bà không biết chữ (chỉ biết viết họ tên) nhưng từ ngày chốt nợ cho đến trước khi tranh chấp bà N không phản đối gì đối với số tiền nợ đã chốt tại biên nhận. Hơn nữa căn cứ vào các chứng cứ do bà N nộp là tờ giấy ghi lại số tiền bà L mua thực phẩm, thể hiện bà N hoàn toàn biết viết số tiền. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà N về việc bà chỉ thiếu nợ hụi của bà L 20.400.000đ. Căn cứ và biên nhận có chữ ký và chữ viết tên của bà N xác định bà N nợ tiền hụi bà L số tiền 24.000.000đ.

Ngoài ra, sau khi chốt nợ các bên thống nhất thỏa thuận trả góp hàng ngày và cấn trừ tiền bà L mua thực phẩm do bà N bán vào số tiền bà N nợ. Tính đến thời điểm bà L viết tổng số tiền bà L trả được vào sổ theo dõi của bà N, tại vùng

đóng khung ký hiệu "A" trong văn bản (bút lục 22) thể hiện số tiền 10.967.000đ bà N thừa nhận và thống nhất số tiền đã trả 10.967.000đ. Sau đó bà L tiếp tục mua thêm nhiều lần thực phẩm nữa để trừ vào số tiền bà còn thiếu, các bên không đưa được chứng cứ thể hiện số tiền cụ thể sau đó, nên bà N cho rằng bà N đã trả được số tiền 17.660.000đ là không đủ chứng cứ cụ thể để chứng minh. Các chứng cứ do các bên nộp có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà N chưa đủ căn cứ, chỉ có chứng cứ thể hiện số tiền ba N đã trả cho bà L 10.967.000đ, nay bà L xác định bà N trả được số tiền 11.670.000đ là có lợi cho bà N nên chấp nhận ý kiến này của bà L.

Từ nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Bùi Kim L: Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Bùi Kim L số tiền 12.330.000đ *(Mười hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày bà Bùi Kim L có đơn yêu cầu thi hành án bà Nguyễn Thị N không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị N phải nộp 616.000đ *(sáu trăm mười sáu ngàn đồng)*. Bà Bùi Kim L không phải nộp án phí được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 10/3/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau số tiền 308.000đ *(Ba trăm lẻ tám ngàn đồng)* theo lai thu số 0002588.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thị Thu